ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 547 /BC-UBND	*Đắk Lắk, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2027 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo kết luận số 98/TB-HĐND ngày 22/10/2026 của Thường trực HĐND tỉnh về dự kiến nội dung, chương trình Kỳ họp thường lệ cuối năm 2026 (Kỳ họp thứ Ba), HĐND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2027 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, như sau:

I. TÌNH HÌNH DÂN TỘC, TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Tình hình chung

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 18.096,40 km² với địa hình đa dạng, trải dài từ miền núi đến miền biển *(khoảng 71,972 km đường biên giới đất liền tiếp giáp với tỉnh Mondulkiri của Vương quốc Campuchia và phía Đông có đường bờ biển dài 189 km)* tạo nên vị trí địa lý đặc biệt quan trọng về an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; có 102 đơn vị hành chính cấp xã *(gồm: 14 phường và 88 xã)*; dân số hơn 3,3 triệu người; có 44 dân tộc thiểu số (DTTS) sinh sống trên địa bàn tỉnh với gần 840 nghìn người, chiếm tỷ lệ 25,4% dân số toàn tỉnh[1].

Trong giai đoạn 2026-2030, tỉnh có 81 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*gồm 16 xã khu vực I, 14 xã khu vực II, 51 xã khu vực III*) và 449 thôn đặc biệt khó khăn[2]; có 22 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và 05 dân tộc có khó khăn đặc thù[3].

---

[1] Trong đó, đông nhất là dân tộc Ê đê 427.736 người (12,93%), dân tộc Nùng 90.971 người (2,75%), dân tộc Tày 66.645 người (2,02%), dân tộc M'nông 56.485 người (1,71%), dân tộc Mông 45.073 người (1,36%), dân tộc Gia Rai 23.964 người (0,72%); dân tộc Thái 23.953 người (0,72%), các dân tộc khác 105.082 người (3,18%).

[2] Theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 và Quyết định 871/QĐ-BDTTG ngày 16/10/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

[3] Theo Quyết định số 132/QĐ-BDTTG ngày 25/3/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn gồm: Ba na, Bru-Vân Kiều, Chứt, Co, Cơ Tu, Dao, Gia Rai, Giẻ Triêng, Hà Nhì, Hmông, Hrê, Kháng, Khơ Mú, La Chí, La Hủ, Lào, Mnông, Ra Glai, Ta-Ôi, Thái, Xinh Mun, Xơ Đăng; các dân tộc có khó khăn đặc thù gồm: Cơ Lao, Lô Lô, Mảng, Ơ - đu, Pà Thẻn.

Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, tính đến ngày 31/12/2025, toàn tỉnh Đắk Lắk có 833.563 hộ dân, trong đó hộ dân tộc thiểu số là 182.598 hộ (21,91%). Tổng số hộ nghèo là 34.411 hộ (4,13%), hộ cận nghèo là 40.101 hộ (4,81%) so với tổng số hộ toàn tỉnh. Trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số là 22.717 hộ (12,442%) và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là 18.875 hộ (10,337%) so với tổng số hộ dân tộc thiểu số[4].

Về tín ngưỡng, toàn tỉnh có 705 cơ sở tín ngưỡng, trong đó, có 01 cơ sở được công nhận di tích Quốc gia đặc biệt, 06 cơ sở được công nhận là di tích quốc gia, 38 cơ sở được công nhận là di tích cấp tỉnh. Cơ sở tín ngưỡng hoạt động thuần túy, tuân thủ pháp luật cũng như quy định của chính quyền địa phương. Người đại diện, Ban quản lý các cơ sở tín ngưỡng tổ chức các hoạt động, lễ hội truyền thống trang trọng, an toàn, vui tươi, đúng quy định của pháp luật; góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử của dân tộc, khơi dậy tinh thần yêu nước và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Về tôn giáo, trên địa bàn tỉnh có 07 tôn giáo (Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam[5], Phật giáo Hòa Hảo và Minh sư đạo) với 731.447 tín đồ, chiếm 22,12% dân số (tín đồ là người dân tộc thiểu số 278.953 người); 685 cơ sở và 584 điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo; 2.099 chức sắc, tu sĩ đang sinh hoạt tại các cơ sở tôn giáo.

2. Đánh giá tình hình dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

Trong năm 2026, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản ổn định; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền và hoạt động của hệ thống chính trị; phấn khởi trước sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của Đảng, Nhà nước đối với các đối tượng chính sách, đồng bào DTTS, hộ nghèo và người có uy tín. Tình hình tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định, thuần túy tôn giáo; chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt quy định của pháp luật, thực hiện đúng Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo. Chính quyền các cấp quan tâm hướng dẫn, giải quyết kịp thời các nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của các tổ chức tôn giáo; mối quan hệ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo được duy trì cởi mở, gắn bó, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bám sát các Nghị quyết và Kịch bản điều hành nền kinh tế của Tỉnh ủy,

---

[4] Theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025.

[5] Đã được công nhận là tổ chức tôn giáo tại Quyết định số 235/2008/QĐ-TGCP ngày 04/12/2008 của Ban Tôn giáo Chính phủ. Về công tác quản lý nhà nước, theo Quyết định 168/QĐ-BDTTG ngày 21/8/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện gom các tôn giáo: Cơ đốc Phục lâm, Mặc Môn, Nhân chứng Giê-hô-va vào lĩnh vực quản lý của Tin lành.

HĐND và UBND tỉnh về quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững đạt 02 con số (từ 10% trở lên) trong năm 2026 và giai đoạn 2026 – 2030. Theo đó, xác định duy trì ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, giải quyết các chính sách an sinh - sinh kế vùng đồng bào DTTS là nền tảng vững chắc, góp phần khơi thông nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực vào mục tiêu tăng trưởng chung 02 con số của tỉnh.

Trong thời gian qua, tình hình dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, không phát sinh vụ việc phức tạp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm theo dõi, nắm bắt để kịp thời xử lý:

- Nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân và các tổ chức tôn giáo ngày càng tăng, nhất là nhu cầu thành lập, chia tách tổ chức tôn giáo trực thuộc; bổ nhiệm, thuyên chuyển chức sắc, chức việc; xây dựng, sửa chữa, mở rộng cơ sở tôn giáo và tổ chức các hoạt động tôn giáo tập trung. Điều này đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn và giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

- Một số hoạt động tôn giáo có quy mô lớn, tập trung đông người như Đại lễ Phật đản, lễ Phục sinh, lễ Giáng sinh, các kỳ đại hội, hội nghị của các tổ chức tôn giáo đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các điều kiện phục vụ hoạt động tôn giáo.

- Tình hình hoạt động của một số hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo mới, các hoạt động tôn giáo trên không gian mạng và việc lợi dụng mạng xã hội để đăng tải, chia sẻ thông tin chưa được kiểm chứng liên quan đến tôn giáo cần tiếp tục được theo dõi, tuyên truyền, định hướng và quản lý phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Trên địa bàn tỉnh vẫn còn hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tiềm ẩn nguy cơ gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Nhu cầu về đất ở, nhà ở, đất sản xuất, sinh kế ổn định của đồng bào dân tộc thiểu số còn lớn; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững.

- Nhiều cơ sở tôn giáo, điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo có nhu cầu được hướng dẫn về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tôn giáo; một số nơi còn vướng mắc về điều kiện pháp lý đối với đất đai, quy hoạch.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo ở cơ sở phần lớn là kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi vị trí công tác, trong khi địa bàn rộng, đối tượng quản lý đa dạng nên việc nắm tình hình, dự báo và tham mưu giải quyết một số vụ việc có lúc còn gặp khó khăn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO NĂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Trong năm 2026, UBND tỉnh đã chủ động, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành toàn diện và quyết liệt công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn; kịp thời cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh thành các chương trình, kế hoạch sát hợp với tình hình thực tế địa phương. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chủ động nghiên cứu, tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/5/2026 về công tác dân tộc và tôn giáo giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 15/10/2026 về tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026–2030 và Chương trình hành động số 35-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 01/7/2026 về triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TU và Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 phê duyệt Đề án "Xây dựng và phát triển toàn diện 20 xã điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi".

Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển nguồn nhân lực, giải quyết đất ở, đất sản xuất, bảo tồn văn hóa, giáo dục, y tế và chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, giải quyết kịp thời các nhu cầu hợp pháp của các tổ chức tôn giáo và đảm bảo an ninh trật tự. Công tác chỉ đạo, điều hành tiếp tục được thực hiện nghiêm túc theo phương châm "06 rõ", đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và tăng cường kiểm tra, giám sát tại cơ sở, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Về công tác tín ngưỡng, tôn giáo, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số

46/2026/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; chỉ đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc và lực lượng cốt cán tôn giáo hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk sau khi Luật Tín ngưỡng tôn giáo 2026 có hiệu lực thi hành (Từ ngày 01/01/2027).

2. Kết quả thực hiện công tác dân tộc

2.1. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình MTQG 1719)

a) Năm 2026, tỉnh tiếp tục thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 chưa giải ngân hết, bao gồm cả vốn các năm 2021, 2022, 2023 và 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025, được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31/12/2026 theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội. Trên cơ sở đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 10/6/2026, số 1838/QĐ-UBND ngày 12/6/2026, số 2415/QĐ-UBND ngày 31/7/2026, số 2673/QĐ-UBND ngày 24/8/2026 và số 2871/QĐ-UBND ngày 11/9/2026 về điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn năm 2025 chưa giải ngân hết được phép kéo dài sang năm 2026 thực hiện Chương trình MTQG DTTS&MN.

Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2025 được phép kéo dài sang năm 2026 là 745.291 triệu đồng (ngân sách Trung ương 668.463 triệu đồng, ngân sách địa phương 76.828 triệu đồng). Kết quả giải ngân luỹ kế từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/10/2026 là 334.054 triệu đồng, đạt 44,8% kế hoạch, trong đó:

- Ngân sách Trung ương 312.781 triệu đồng (vốn đầu tư 224.022 triệu đồng; vốn sự nghiệp 88.759 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương 21.273 triệu đồng (vốn đầu tư 18.454 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.819 triệu đồng).

Kết quả thực hiện đã hỗ trợ đất ở cho 32 hộ, nhà ở cho 132 hộ, chuyển đổi nghề và trang bị máy móc cho 150 hộ, cung cấp nước sinh hoạt phân tán cho trên 950 hộ; đồng thời triển khai 30 dự án phát triển sản xuất cộng đồng để hỗ trợ mô hình con giống cho 300 hộ và nhóm hộ. Công tác quy hoạch, sắp xếp dân cư tiếp tục được chú trọng với 10 dự án đang được triển khai nhằm từng bước ổn định đời sống nhân dân. Đối với hạ tầng thiết yếu, đã cải tạo, nâng cấp 60 công trình (thủy lợi, điện, trường học, nhà văn hóa, giao thông), phân bổ kinh phí duy tu 72 công trình tại 51 xã đặc biệt khó khăn và đầu tư mới 9 công trình (2 trường

học, 7 đường giao thông) từ nguồn vốn kết dư. Song song đó, lĩnh vực giáo dục và văn hóa cũng được đầu tư mạnh mẽ thông qua việc hoàn thành các hạng mục tại Trường PTDTNT - THCS huyện Cư M'gar, Trường PTDTBT Đinh Núp và 5 công trình nhà văn hóa, thể thao cấp thôn, buôn; đồng thời đầu tư mới 1 công trình văn hóa từ nguồn vốn kết dư.

b) Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 phê duyệt Chương trình. UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quan trọng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Chương trình, gồm: Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG; dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030. Đồng thời, tỉnh đã ban hành và đang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh và UBND tỉnh để hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ triển khai Chương trình, gồm:

- Đối với Nghị quyết của HĐND tỉnh: (1) Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; (2) Quy định cơ chế phân cấp quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh chi tiết theo dự án thành phần, danh mục và mức vốn bố trí thực hiện dự án, nhiệm vụ đầu tư công của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với Quyết định của UBND tỉnh: (1) Quyết định số 95/2026/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 Quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; (2) Quyết định số

106/2026/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 Quy định danh mục loại dự án đặc thù; tổng mức đầu tư tối đa của một dự án đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030; (3) Quyết định số 117/2026/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 Quy định về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc áp dụng thiết kế sẵn có tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2026 - 2030; (4) Quy định quy trình bảo trì mẫu của công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế tổ chức thực hiện dự án quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch năm 2026 thực hiện Chương trình đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 20/10/2026, trong đó:

- Tổng nguồn vốn kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 thực hiện Chương trình là 4.522.896,223 triệu đồng (ngân sách trung ương 2.578.500,442 triệu đồng, ngân sách tỉnh 1.944.395,781 triệu đồng)[6].

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2026 thực hiện Chương trình là 540.263,223 triệu đồng (ngân sách trung ương 315.640,442 triệu đồng, ngân sách tỉnh 224.622,781 triệu đồng[7].

c) Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 theo Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24/08/2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 và Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12/10/2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành liên quan căn cứ chỉ đạo của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương để tham mưu triển

---

[6] - Nguồn vốn đã phân bổ chi tiết đến từng địa phương là 66.576,223 triệu đồng từ nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026 để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030 (Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 02/7/2026 của HĐND tỉnh), trong đó: Ngân sách trung ương 46.500,442 triệu đồng; Ngân sách tỉnh 20.075,781 triệu đồng;
- Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết đến từng đơn vị, địa phương 4.456.320 triệu đồng, trong đó:Ngân sách trung ương 2.532.000 triệu đồng được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2026; Ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện chương trình là 1.924.320 triệu đồng.

[7] - Nguồn vốn đã phân bổ chi tiết đến từng địa phương là 66.576,223 triệu đồng từ nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026 để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030 (Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 02/7/2026 của HĐND tỉnh), trong đó: Ngân sách trung ương 46.500,442 triệu đồng; Ngân sách tỉnh 20.075,781 triệu đồng;
- Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết đến từng đơn vị, địa phương 473.687 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 269.140 triệu đồng được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026; Ngân sách tỉnh: 204.547 triệu đồng (Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh).

khai thực hiện theo quy định.

2.2 Triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và tôn giáo giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và tôn giáo giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 01/7/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU; Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 phê duyệt Đề án "Xây dựng và phát triển toàn diện 20 xã điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng "Kinh tế phát triển - Xã hội văn minh - Quốc phòng, an ninh vững mạnh", làm cơ sở để triển khai thực hiện thí điểm trong thời gian tới.

Đồng thời, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã tham mưu UBND tỉnh trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 – 2030 và Chương trình hành động số 35-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Việc ban hành kịp thời các văn bản trên đã tạo hành lang pháp lý và cơ sở chính trị vững chắc, cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Tỉnh ủy vào thực tiễn, giúp thống nhất công tác điều hành của cả hệ thống chính trị đối với công tác dân tộc, tôn giáo và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành liên quan rà soát, ưu tiên nguồn vốn đầu tư hạ tầng thiết yếu và sinh kế cho 20 xã điểm và 51 xã, 449 thôn buôn đặc biệt khó khăn; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên tại cơ sở để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành toàn diện các mục tiêu Nghị quyết số 07-NQ/TU đã đề ra.

2.3 Triển khai thực hiện chế độ chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Hiện nay, toàn tỉnh có 754 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số[8]. Tỉnh đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có uy tín như: Chế độ cấp báo, cung cấp thông tin, tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tham quan học tập kinh nghiệm, thăm hỏi động viên khi ốm

[8] Rà soát, công nhận theo Nghị định số 307/2026/NĐ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ

đau, khó khăn hoặc qua đời; thường xuyên rà soát, bổ sung, kiện toàn đội ngũ người có uy tín theo quy định.

Trong năm 2026, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã tổ chức 03 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho 383 người có uy tín về chính sách dân tộc, công tác tuyên truyền, vận động đồng bào đấu tranh chống âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao năng lực số và phòng, chống lừa đảo trực tuyến; tổ chức 03 đoàn gồm 132 đại biểu là người có uy tín đi tham quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh; cấp phát không thu tiền 02 ấn phẩm báo cho 1.069 người có uy tín; thăm viếng người có uy tín qua đời, thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín ốm đau. Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín do Sở Dân tộc và Tôn giáo thực hiện dự kiến đến ngày 31/12/2026 là 4.617 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch giao.

Ngày 24/9/2026, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh đã tổ chức thành công Hội nghị gặp mặt, biểu dương già làng, người có uy tín tiêu biểu năm 2026. Đây là hội nghị đầu tiên được tổ chức sau khi hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên, sau một năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tham dự hội nghị có các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; lãnh đạo các sở, ngành, địa phương trong tỉnh và 220 già làng, người có uy tín tiêu biểu đại diện cho 1.069 già làng, người có uy tín của 45 dân tộc anh em trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đây là sự kiện quan trọng của tỉnh nhằm ghi nhận, tôn vinh những đóng góp quan trọng của đội ngũ già làng, người có uy tín trong công tác vận động quần chúng, giữ gìn an ninh trật tự, bảo tồn bản sắc văn hóa và củng cố "thế trận lòng dân" tại cơ sở; đồng thời động viên, khích lệ lực lượng này tiếp tục phát huy vai trò cầu nối bền chặt giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, nhân dịp Tết Nguyên đán 2026, UBND tỉnh chọn, cử 15 già làng tiêu biểu tham dự gặp mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước và lựa chọn đại diện phát biểu nhân dịp Lãnh đạo Đảng, Nhà nước thăm chúc mừng Tết Nguyên đán 2026 tại tỉnh.

2.4 Phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ, UBND tỉnh đã giao Sở Dân tộc và Tôn giáo đã chủ trì tổ chức thẩm định, tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kết quả phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 tại Quyết định số 02415/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 (được điều chỉnh tại Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 19/6/2026). Theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Bộ

Dân tộc và Tôn giáo, tỉnh Đắk Lắk có 81 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm 16 xã khu vực I, 14 xã khu vực II và 51 xã khu vực III; theo Quyết định số 803/QĐ-BDTTG ngày 20/09/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo Công bố Danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1), tỉnh Đắk Lắk có 1.204 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 449 thôn đặc biệt khó khăn.

2.5 Về xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 của Chính phủ, UBND tỉnh đã giao Sở Dân tộc và Tôn giáo đã chủ trì tổ chức thẩm định, tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo kết quả rà soát, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và các dân tộc có khó khăn đặc thù trên địa bàn tỉnh. Theo Quyết định số 132/QĐ-BDTTG ngày 25/3/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Đắk Lắk có 22 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn (Bru-Vân Kiều, M’nông, Co, Gia rai, Ba-na, Dao, Mông, Lào, Xơ-đăng, Hrê, Cơ-tu, Chứt, Gié-Triêng, Hà nhì, Kháng, Khơmú, La Hủ, Ra-glai, Ta-ôi, Thái, Xinh-mun, La Chí) và 05 dân tộc có khó khăn đặc thù (Cơ Lao, Lô Lô, Mảng, Ơ-đu, Pà Thẻn).

2.6 Triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phát huy nội lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông xây dựng chuyên mục “Dân tộc - Miền núi”; thực hiện 06 phóng sự phát thanh bằng tiếng Việt, Ê Đê, M’Nông và Chăm, 02 phóng sự truyền hình tiếng Việt (biên dịch sang tiếng Ê Đê và M’Nông), 02 video truyền thông về kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc và các điển hình tiên tiến trong đồng bào dân tộc thiểu số; biên soạn, đăng tải nhiều tin, bài tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và công tác dân tộc trên các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Công tác tuyên truyền trực quan tiếp tục được đẩy mạnh với việc lắp đặt pano tuyên truyền pháp luật và chính sách dân tộc; bảng hiệu tuyên truyền phòng, chống ma túy tại các địa bàn trọng điểm; phát hành cuốn sổ tay tuyên truyền phòng, chống ma túy đến cán bộ cơ sở và người dân, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa các tệ nạn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong năm 2026, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã thực hiện lắp đặt, bàn giao pano tuyên truyền tại 10 xã (Ea Súp, Ea Rốk, Cư

Pơng, Ea Wy, M'Đrắk, Krông Năng, Ia Rvê, Ea Riêng, Ea Trang, Đắk Phơi); tổ chức 17 hội nghị tập huấn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 với hơn 2.500 đại biểu tham dự; đón tiếp, hỗ trợ đoàn công tác của các tỉnh đến học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình MTQG 1719 tại tỉnh.

Việc huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư; triển khai đầy đủ các chính sách dân tộc; phát huy vai trò của đội ngũ người có uy tín; tăng cường tuyên truyền, vận động và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, giữ vững quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị trên địa bàn tỉnh. Qua đó tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của công tác dân tộc trong chiến lược phát triển của tỉnh.

2.7 Về hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Đề án "Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên" (Đề án 104)[9]

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 0142/KH-UBND ngày 02/12/2025 giao chỉ tiêu giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (68 xã, phường phía Tây tỉnh, 16.954 hộ, gồm 6.536 hộ đất ở và 10.418 hộ đất sản xuất); Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 04/7/2026 giao chỉ tiêu giải quyết nhu cầu nhà ở; Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 22/7/2026 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án năm 2026 và những năm tiếp theo. Trên cơ sở kết quả rà soát của UBND cấp xã, ngày 14/8/2026, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 387/TB-UBND điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ trên địa bàn 82 xã, phường là 22.049 hộ, gồm 12.092 hộ đất nông nghiệp và 9.957 hộ đất ở.

Từ khi triển khai Đề án đến nay, đã hỗ trợ đất đai cho 634 hộ (476 hộ đất ở, 158 hộ đất nông nghiệp), trong đó UBND các xã, phường sau sắp xếp đã hỗ trợ 368 hộ (275 hộ đất ở, gồm 180 hộ được giao đất mới và 95 hộ được hỗ trợ thủ tục hành chính để cấp Giấy chứng nhận; 93 hộ đất nông nghiệp, gồm 38 hộ được giao đất mới và 55 hộ được hỗ trợ thủ tục hành chính). Trong 22.049 hộ có nhu cầu năm 2026 có 9.249 hộ cần giao đất mới (41,95%) và 12.800 hộ cần hỗ trợ thủ tục hành chính về đất đai (58,05%); theo kết quả kiểm tra liên ngành từ ngày 22 đến ngày 24/9/2026 tại 78/82 xã, phường (04 xã, phường không có chỉ tiêu năm 2026) và số liệu cập nhật đầu tháng 10/2026, mới hỗ trợ giao đất mới cho 218 hộ (2,36%) và hỗ trợ thủ tục hành chính cho 150 hộ (1,17%), chưa đạt yêu cầu của Đề án là trong năm 2026 giải quyết tối thiểu 65% số hộ có nhu cầu

[9] Báo cáo số 889/BC-SNNMT ngày 06/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thực hiện hỗ trợ đất đai cho người dân tộc thiểu số theo Đề án 104 của Thủ tướng Chính phủ

đất ở và 70% số hộ có nhu cầu đất nông nghiệp. Hiện còn 21.681 hộ cần được hỗ trợ (9.682 hộ đất ở; 11.999 hộ đất nông nghiệp).

Nguyên nhân chủ yếu là quỹ đất sạch, nhất là đất nông nghiệp, rất hạn chế (phần lớn diện tích đất có nguồn gốc nông, lâm trường đã có người sử dụng, cần kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng); UBND cấp xã còn lúng túng trong lập, phê duyệt dự án đầu tư tạo quỹ đất; công chức làm công tác đất đai cấp xã ít lại kiêm nhiều nhiệm vụ; nguồn gốc sử dụng đất phức tạp, việc thẩm tra, xác minh kéo dài; một số nơi chưa quan tâm đúng mức việc rà soát, xác định đối tượng và nhu cầu. Riêng nhóm 12.800 hộ chỉ cần hỗ trợ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực, có thể giải quyết ngay nhưng tiến độ còn rất chậm. UBND tỉnh xác định nhiệm vụ trọng tâm là khẩn trương đề xuất nội dung tổng thể xử lý các tồn tại, vướng mắc về đất đai tại các nông, lâm trường khu vực Tây Nguyên (nhất là các vấn đề thuộc thẩm quyền của Trung ương); hoàn thành chiến dịch số hóa dữ liệu đất đai; chú trọng triển khai cấp đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Về nhà ở, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã tập trung đôn đốc, hướng dẫn các địa phương giải quyết nhu cầu nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 326/QĐ-UBND, đã đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh Phụ lục chỉ tiêu hỗ trợ nhà ở kèm theo Kế hoạch số 290/KH-UBND và chỉ đạo Sở Tài chính cân đối, bố trí kinh phí (nhu cầu hỗ trợ năm 2026 dự kiến khoảng 228,6 tỷ đồng).

2.8 Triển khai các chính sách, chương trình khác liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Các chính sách an sinh xã hội và chính sách dân tộc được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, đúng đối tượng; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được thực hiện theo nhu cầu thực tế của người dân; một số hộ mạnh dạn áp dụng các mô hình sản xuất mới, góp phần nâng cao thu nhập. Công tác giảm nghèo tiếp tục được chú trọng, nhiều hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ sinh kế, vay vốn phát triển sản xuất và hướng dẫn chuyển đổi mô hình cây trồng, vật nuôi phù hợp, mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, giúp người dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm phục vụ cho nhu cầu tại chỗ và vùng lân cận, tỷ lệ hộ nghèo giảm; người dân trong vùng dự án có sự đồng thuận cao, tích cực tham gia dự án, học tập kinh nghiệm trong trồng trọt và chăn nuôi.

2.8.1 Về giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công tác giáo dục đạt nhiều kết quả nổi bật, trọng tâm là hoàn thành việc

sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục công lập trước ngày 30/8/2026 (giảm từ 1.267 xuống còn 625 đơn vị, tương ứng giảm 50,7%); đồng thời đưa vào vận hành các trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới Buôn Đôn, Ia Lốp, Ia Rvê và Ea Rốk từ đầu năm học 2026 - 2027, góp phần giải quyết nguy cơ học sinh bỏ học do khoảng cách địa lý và hoàn cảnh khó khăn. Cùng với cơ sở vật chất các trường PTDTNT, PTDTBT và trường phổ thông có học sinh bán trú được đầu tư từ Tiểu dự án 1 - Dự án 5 Chương trình MTQG 1719, công tác giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được bảo đảm, củng cố toàn diện thông qua việc triển khai các chính sách hỗ trợ học bổng, chi phí học tập, miễn phí sách giáo khoa, duy trì chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục các cấp và đẩy mạnh dạy tiếng Việt, tiếng dân tộc Êđê. Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành vẫn đối mặt với khó khăn về tình trạng thừa/thiếu giáo viên cục bộ, hạ tầng phòng học/thiết bị vùng xa còn thiếu và áp lực giải quyết chính sách sau sáp nhập. Bước sang năm học 2026 - 2027 với chủ đề "Đổi mới tư duy – Chuyển biến mạnh mẽ – Kết quả thực chất", tỉnh tập trung tối ưu hóa cơ sở vật chất sau sắp xếp, nâng tỷ lệ kiên cố hóa phòng học lên 88%, đẩy nhanh dự án trường nội trú liên cấp xã Ea Bung và thực hiện bài toán lớn về chuyển đổi số toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 trên địa bàn tỉnh được tổ chức an toàn, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 97,34%.

Công tác phát triển nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp được chú trọng theo hướng tăng cường gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và nhu cầu thị trường lao động. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước để xây dựng chương trình đào tạo, tuyển dụng học sinh, sinh viên; tổ chức các hoạt động kết nối việc làm với sự tham gia của doanh nghiệp.

2.8.2 Về lao động việc làm

Công tác lao động, việc làm tiếp tục được quan tâm, gắn kết cung - cầu lao động và hỗ trợ người lao động được đẩy mạnh. Trong 9 tháng năm 2026, toàn tỉnh ước giải quyết việc làm cho 44.600 lao động; đưa khoảng 2.420 lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó 1.362 lao động làm việc thời vụ tại Hàn Quốc. Trung tâm Dịch vụ việc làm tổ chức 127 hoạt động về giao dịch, tư vấn việc làm và 43 hội nghị tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước và đi làm việc ở nước ngoài; tư vấn việc làm, nghề nghiệp, chính sách cho 70.500 lượt người, vượt 17,5% kế hoạch năm; giới thiệu việc làm cho 8.000 lượt người.

Các chính sách hỗ trợ việc làm, bảo hiểm thất nghiệp được triển khai đồng bộ. Thông qua nguồn vốn tín dụng chính sách, đã cho vay 16.019 dự án với 1.120 tỷ đồng, góp phần tạo, duy trì và mở rộng việc làm cho 16.109 lao động;

đồng thời hỗ trợ 84 người vay vốn đi làm việc ở nước ngoài với tổng số tiền trên 6,38 tỷ đồng; đã ban hành 14.500 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp với số tiền trên 300 tỷ đồng, trong đó 1.500 người tham gia đào tạo và được hỗ trợ kinh phí.

2.8.3 Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên, cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Tổ chức bộ máy, mạng lưới y tế được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đầu tư, phát huy tốt vai trò trong phòng, chống dịch bệnh; cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư nâng cấp. Đặc biệt, công tác chăm sóc sức khoẻ, khám chữa bệnh, tuyên truyền vận động kế hoạch hóa gia đình... cho đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng, công tác vệ sinh phòng dịch vùng dân tộc thiểu số đã được triển khai kịp thời, có hiệu quả. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn đồng bào thực hiện dân số và kế hoạch hoá gia đình được thực hiện đồng bộ, thường xuyên. Thực hiện Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh về kế hoạch khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc cho người dân giai đoạn 2026 - 2030, 102/102 xã, phường đã ban hành kế hoạch triển khai Chương trình khám sức khỏe toàn dân và đang tổ chức thực hiện. Ước năm 2026, toàn tỉnh đạt 9,06 bác sĩ và 31,5 giường bệnh trên một vạn dân.

Công tác y tế dự phòng, giám sát và xử lý dịch bệnh được triển khai chủ động, tuy nhiên một số bệnh truyền nhiễm, nhất là sốt xuất huyết và tay chân miệng còn diễn biến phức tạp. Công tác giám sát, điều tra, xử lý ổ dịch, tiêm chủng mở rộng và trực cơ động phòng, chống dịch được duy trì; đồng thời tích cực triển khai Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu chuyên ngành y tế trên địa bàn tỉnh. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm được tăng cường, tỷ lệ cơ sở qua kiểm tra đạt yêu cầu ở mức cao.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội và mở rộng diện bao phủ bảo hiểm tiếp tục được chú trọng, việc giải quyết, chi trả các chế độ được thực hiện kịp thời. Trong 9 tháng đầu năm, số người tham gia BHXH ước đạt 259.493 người; số người tham gia BHTN đạt 187.202 người; số người tham gia BHYT đạt 2.719.418 người, tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt 95,2% dân số. Tổng thu BHXH, BHYT, BHTN ước đạt 6.550 tỷ đồng, bằng 74,36% kế hoạch.

2.8.4 Về văn hóa, thể thao và thông tin, truyền thông

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật được tổ chức sôi nổi, gắn với các sự

kiện chính trị, ngày lễ lớn và quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hóa Đắk Lắk. Trong năm 2026, tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động nổi bật như Diễn đàn Di sản Cà phê Thế giới; chuỗi hoạt động Giỗ Tổ Hùng Vương, dịp lễ 30/4 - 01/5; các hoạt động trong khuôn khổ Lễ hội Sầu riêng năm 2026; chương trình nghệ thuật chào mừng Quốc khánh 02/9 và biểu diễn văn hóa cồng chiêng phục vụ Nhân dân, du khách. Công tác quản lý lễ hội được thực hiện đúng quy định, bảo đảm an toàn, văn minh; các thiết chế văn hóa duy trì hoạt động phục vụ Nhân dân. Công tác thông tin, tuyên truyền, báo chí và truyền thông bám sát nhiệm vụ chính trị, công tác chỉ đạo, điều hành và các sự kiện lớn của tỉnh.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng. Tỉnh đã triển khai kiểm kê di sản; xây dựng chính sách hỗ trợ bảo vệ, phát huy văn hóa cồng chiêng giai đoạn 2026-2030; trình thẩm định Đề án quản lý, bảo vệ và phát huy Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035; điều chỉnh định hướng xây dựng Hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO ghi danh "Tri thức trồng và chế biến cà phê"; tiếp tục chỉnh lý hiện vật sau khai quật khảo cổ Di chỉ Thác Hai và triển khai các chính sách bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao tiếp tục phát triển. Tỉnh đã tổ chức Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, Tuy Hòa Half Marathon 2026; đăng cai Giải Karate vô địch các câu lạc bộ quốc gia và tổ chức nhiều giải thể thao cấp tỉnh, qua đó thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất và tạo thêm các hoạt động phục vụ Nhân dân. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, phục dựng và phát huy gắn với phát triển kinh tế - xã hội và du lịch của địa phương.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển sâu rộng, đặc biệt là phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc. Hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được đầu tư xây dựng, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động. Tỉnh đã tổ chức đưa Đoàn đại biểu Nghệ nhân ưu tú tham dự Chương trình Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS toàn quốc tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam; Lễ Giỗ tổ Hùng Vương, kết hợp giới thiệu ẩm thực truyền thống, đặc sản địa phương và sản phẩm OCOP; phối hợp tổ chức các triển lãm chuyên đề "Cồng chiêng Tây Nguyên - Thanh âm từ đại ngàn"… góp phần quảng bá, lan tỏa các giá trị văn hóa, lịch sử và di sản của địa phương.

Tỉnh tiếp tục triển khai các cơ chế, chính sách về bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND. Hệ thống thiết chế văn hóa cộng đồng ở thôn, buôn được quan tâm đầu tư; đã

đưa vào sử dụng 100 nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng, chống lũ tại 27 xã, phường (tổng kinh phí trên 170 tỷ đồng), vừa phục vụ sinh hoạt cộng đồng vừa bảo đảm nơi trú tránh thiên tai cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Gắn bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa với phát triển du lịch, năm 2026 toàn tỉnh ước đón 9,5 triệu lượt khách du lịch (tăng 29,5% so với năm 2025), tổng doanh thu du lịch ước đạt 18.680 tỷ đồng.

2.8.5 Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được tỉnh xác định là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, đổi mới phương thức quản trị và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW được đẩy mạnh, tỉnh đã ban hành 05 kế hoạch với 131 nhiệm vụ cụ thể theo phương châm "6 rõ"; công bố và triển khai 08 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành và đưa vào hoạt động Sàn Giao dịch Khoa học và Công nghệ; đồng thời triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về chuyển đổi số.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ có chuyển biến theo hướng gắn với yêu cầu sản xuất và các sản phẩm chủ lực của tỉnh ; Trung tâm Đổi mới sáng tạo triển khai 22 mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tại cơ sở, tập trung vào sản xuất phân hữu cơ từ phụ phẩm nông nghiệp, xử lý chất thải chăn nuôi, trồng dưa lưới, cà phê chất lượng cao và chế biến, bảo quản nông sản. Sàn Giao dịch Khoa học và Công nghệ đã kết nối với Techmart Việt Nam, tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, trong đó có 02 chuyên đề về chế biến sâu sầu riêng và cà phê.

Hạ tầng và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện, với 100% thôn, buôn có cáp quang, 100% khu dân cư được phủ sóng 4G, tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 96,5%; 102/102 xã có điểm phục vụ bưu chính. Các nền tảng số dùng chung, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, các hệ thống phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục được duy trì, nâng cấp; đồng thời triển khai, chuẩn bị đầu tư nhiều ứng dụng mới . Khai thác dữ liệu dân cư, định danh điện tử và Đề án 06 tiếp tục tạo ra các kết quả cụ thể trong cung cấp dịch vụ công và các dịch vụ thiết yếu. Toàn bộ 340/340 cơ sở khám, chữa bệnh đã triển khai tra cứu thông tin bằng căn cước công dân/VNeID với hơn 10 triệu lượt tra cứu; đồng bộ trên 2,58 triệu thẻ bảo hiểm y tế, tích hợp 769.900 Sổ sức khỏe điện tử; tỷ lệ chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH không dùng tiền mặt đạt 74,15%. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh tiếp tục triển khai các đề án nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xử

lý khu vực lõm sóng, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các giải pháp số từng bước đi vào thực tiễn; nhiều sản phẩm đã được triển khai như trợ lý ảo AI hỗ trợ thủ tục xuất nhập cảnh, AI hỗ trợ nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy , các công cụ quản trị và giám sát nhiệm vụ. Cuộc thi "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào cuộc sống - AI for Life" năm 2026 thu hút 232 hồ sơ đăng ký dự thi trên nhiều lĩnh vực, trong đó có 30 sản phẩm được lựa chọn vào vòng chung kết. Công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin được tăng cường song hành với quá trình chuyển đổi số. Tỉnh duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát 24/7 đối với 10/10 hệ thống thông tin cấp độ 3 với Trung tâm Giám sát điều hành an toàn thông tin mạng của tỉnh và Trung tâm Giám sát an ninh mạng quốc gia; tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng, tăng cường cảnh báo, giám sát nguy cơ mất an toàn thông tin. Đồng thời, tỉnh đang khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư để triển khai các dự án quan trọng như Nền tảng dữ liệu số phục vụ chỉ huy - điều hành an ninh, trật tự; Nền tảng Công an số; Trung tâm An ninh mạng tỉnh, góp phần tăng cường năng lực bảo vệ dữ liệu và hạ tầng số của tỉnh.

2.8.6 Về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở

Tiếp tục được đổi mới về nội dung và phương thức, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hướng mạnh về cơ sở. Cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã" thu hút 33.406 người đăng ký với 39.806 lượt dự thi; phát hành 400.000 tờ gấp tuyên truyền pháp luật về bầu cử và tổ chức hội nghị tuyên truyền cho hơn 400 cán bộ, giảng viên, sinh viên. Công tác hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và hỗ trợ pháp lý tiếp tục được thực hiện gắn với cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Công tác trợ giúp pháp lý tiếp tục được triển khai đồng bộ, kịp thời, bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý của người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật, đặc biệt là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người nghèo, trẻ em, người cao tuổi và các đối tượng yếu thế khác trong xã hội.

2.8.7 Về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, giữ vững ổn định. Lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; nắm chắc tình hình biên giới, vùng trời, nội địa, ngoại biên và không gian mạng; chủ động đấu tranh, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá, bảo đảm an ninh chính trị,

trật tự an toàn xã hội. Công tác bảo vệ các mục tiêu, công trình trọng điểm và các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng được triển khai hiệu quả. Tuyển quân năm 2026 hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao và tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2026, diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã đúng kế hoạch, bảo đảm an toàn. Công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng được thực hiện theo kế hoạch; lực lượng dân quân tự vệ được củng cố tại 198 cơ sở dân quân tự vệ. Công tác bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo được triển khai tích cực. Công tác chính sách hậu phương quân đội, dân vận và an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội được tăng cường; an ninh chính trị, an ninh dân tộc, tôn giáo và an ninh trên các địa bàn trọng điểm cơ bản được giữ vững, không để xảy ra bị động, bất ngờ, "điểm nóng" về an ninh, trật tự.

3. Về công tác tín ngưỡng, tôn giáo

3.1 Về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc và người có uy tín trong các tôn giáo

Nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, công chức, đảng viên và Nhân dân, đặc biệt là chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo trên địa bàn tỉnh, Sở Dân tộc và Tôn giáo và chính quyền địa phương không ngừng tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; đổi mới nội dung, đa dạng bằng nhiều hình thức như: Tổ chức gặp mặt, làm việc với các tổ chức, chức sắc, chức việc các tôn giáo; lồng ghép các nội dung thông tin tuyên truyền qua các buổi thăm, chúc mừng các tổ chức tôn giáo nhân dịp lễ, tết cổ truyền của dân tộc và dịp lễ trọng của tôn giáo (Tết Nguyên đán, lễ Phục sinh, Phật đản, Vu Lan, Giáng sinh…); đi cơ sở thăm hỏi, động viên, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của tổ chức, cá nhân tôn giáo; tăng cường định hướng thông tin tuyên truyền nhằm khẳng định chủ trương, chính sách về tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta và chủ động đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nhằm giữ vững ổn định tình hình tôn giáo trên địa bàn.

Để định hướng hoạt động và giải quyết các nhu cầu tôn giáo đúng theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo và UBND cấp xã chủ động làm việc với người đứng đầu các giáo hội tôn giáo tại địa phương nhằm nắm bắt tình hình, tác động, định hướng hoạt động của giáo hội theo chiều hướng tuân thủ pháp luật; thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thường xuyên tổ chức thăm, hỏi, gặp gỡ chức sắc, tu sĩ tiêu biểu của các tôn giáo trong ngày lễ trọng,

ngày lễ kỷ niệm riêng của cá nhân tôn giáo hoặc khi ốm đau. Qua đó tạo được mối quan hệ gắn bó, cởi mở giữa tôn giáo và chính quyền; tạo niềm tin cho chức sắc, tín đồ hiểu, đồng thuận, gắn bó và đồng hành cùng dân tộc.

Trong năm, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã phối hợp với Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức hội nghị hướng dẫn hoạt động đạo Tin lành theo quy định pháp luật cho nhân sự các cấp thuộc Hội thánh Truyền giảng Phúc âm Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và phụ cận, có 156 người tham dự; chủ trì tổ chức 02 Hội nghị cung cấp thông tin tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và tình hình hoạt động tôn giáo cho 207 chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tôn giáo trên địa bàn tỉnh; tổ chức 02 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho 200 trưởng điểm nhóm Tin lành; tổ chức 02 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo cho khoảng 400 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã. Trong dịp Đại hội XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, bám sát chỉ đạo của Trung ương và tỉnh, tăng cường tiếp xúc, vận động các tổ chức tôn giáo, tạo sự đồng thuận xã hội và củng cố niềm tin của Nhân dân.

Các tổ chức tôn giáo tích cực tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; toàn tỉnh có 02 chức sắc trúng cử đại biểu HĐND cấp tỉnh và 89 chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo trúng cử đại biểu HĐND cấp xã. Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức các tọa đàm khoa học về nhận diện, phát huy giá trị và nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ phát triển (ngày 16/7/2026) và về hoạt động đối ngoại nhân dân, công tác dân tộc, tôn giáo, quản lý lễ hội tín ngưỡng trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế; hướng dẫn tổ chức các cuộc lễ trọng (Phục sinh, Phật đản, An cư kiết hạ...); hỗ trợ Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh tổ chức thành công Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2031; triển khai công tác đối với Đại hội đồng Tổng Liên hội lần thứ 49 của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)....

Công tác giải quyết nhu cầu của tổ chức tôn giáo đã được Sở Dân tộc và Tôn giáo kịp thời phối hợp, trao đổi với Công an tỉnh (Phòng An ninh nội địa) và các địa phương trong và ngoài tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định.

3.2 Về giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được triển khai đồng bộ, hiệu quả; các nhu cầu hợp pháp của tổ chức, cá nhân tôn giáo được giải quyết kịp thời, đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất và đúng quy định của Luật Tín

ngưỡng, tôn giáo, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Đến tháng 11/2026, UBND tỉnh đã xem xét, giải quyết 56 hồ sơ[10] về các nội dung: chia, tách, thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức Đại hội, tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách và một số nội dung khác liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; chuyển trả 02 hồ sơ vì chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định. Sở Dân tộc và Tôn giáo đã giải quyết theo thẩm quyền 86 hồ sơ[11] về các nội dung: bổ nhiệm chức sắc, chức việc; tiếp nhận thông báo thuyên chuyển, phong phẩm, chấp thuận nhu cầu sửa chữa, điều chỉnh hạng mục công trình tôn giáo và một số nội dung khác liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định pháp luật.

Công tác cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định tại Điều 17 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cho các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo cũng được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện. Đến tháng 11/2026, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã hướng dẫn UBND cấp xã phân loại, cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho 78 điểm nhóm Tin lành thuộc 10 tổ chức, hệ phái Tin lành; tiếp tục xem xét, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung đối với các điểm nhóm còn lại trên địa bàn tỉnh.

Công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo được triển khai đúng quy trình, đúng thời gian quy định; không có hồ sơ tồn đọng kéo dài, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC DÂN TỘC, TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và sự quản lý, điều hành quyết liệt của chính quyền các cấp, công tác dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường, đổi mới và đạt nhiều kết quả. Các nhiệm vụ trọng tâm cơ bản được triển khai theo kế hoạch; tuy nhiên, tiến độ giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và tiến độ hỗ trợ đất ở, đất sản xuất theo Đề án 104 còn chậm so với yêu cầu. Nhận thức của cán bộ, đảng viên,

---

[10] Thay đổi tên: 07 hồ sơ (Phật giáo 05, Cao đài 01, Phật giáo Hòa Hảo 01); Chia, tách, thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc: 36 hồ sơ (Phật giáo 19, Công giáo 09, Tin lành 07, Cao đài 01); Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung: 08 hồ sơ (Phật giáo 05, Công giáo 03); Tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo: 01 hồ sơ Công giáo; Giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách: 02 hồ sơ Công giáo; Tổ chức Đại hội: 01 hồ sơ Phật giáo; đề nghị mời tổ chức, cá nhân người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hoạt động tôn giáo: 01 hồ sơ Phật giáo.

[11] Đăng ký bổ nhiệm, bầu cử, suy cử: 28 hồ sơ (Phật giáo 12, Công giáo 11, Tin lành 03, Cao đài 01, Phật giáo Hòa Hảo 01); Tiếp nhận thông báo thuyên chuyển: 31 hồ sơ (Phật giáo 13, Công giáo 18); Thông báo bãi nhiệm: 01 hồ sơ Phật giáo; Thông báo phong phẩm: 05 hồ sơ (Công giáo 02, Tin lành 02, Cao đài 01); Mở lớp bồi dưỡng: 01 hồ sơ Cao đài; Sự cần thiết và quy mô xây dựng các hạng mục công trình tôn giáo: 15 hồ sơ (Phật giáo 08; Công giáo 04, Tin lành 03); Điều chỉnh hạng mục công trình: 05 hồ sơ (Phật giáo 02, Công giáo 02, Tin lành 01).

công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong tình hình mới được nâng lên rõ rệt. Đặc biệt, việc triển khai đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thu nhập của người dân được cải thiện, nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm dần qua từng năm, trong đó chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2026 (từ 2% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số từ 3% trở lên) ước đạt kế hoạch. Qua đó, góp phần quan trọng vào việc thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

Công tác tôn giáo và thực hiện chính sách tôn giáo được triển khai đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của Nhân dân trên địa bàn. Các nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp của các tổ chức và cá nhân tôn giáo được xem xét, giải quyết kịp thời. Tỉnh đã chú trọng thực hiện tốt các chế độ, chính sách và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân vùng đồng bào có đạo. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ tôn giáo thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa chính quyền với các chức sắc, tín đồ các tôn giáo trên địa bàn.

2. Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, địa phương, công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần ổn định kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác tham mưu triển khai Chương trình MTQG 1719 và các chính sách đối với người có uy tín, đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện tích cực, chủ động. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản ổn định, tuân thủ quy định pháp luật, phát huy vai trò tích cực trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo và các phong trào thi đua yêu nước.

Đội ngũ công chức làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ

chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác tham mưu, phối hợp được thực hiện hiệu quả, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

2.2. Khó khăn, vướng mắc

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên, việc thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại một số khó khăn:

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn cao, số hộ thoát nghèo tăng nhưng chưa thật sự bền vững. Nguồn lực đầu tư cho các chương trình, chính sách, dự án còn hạn chế, mức hỗ trợ của một số chính sách thấp, chưa phù hợp nhu cầu thực tế của địa phương.

- Quỹ đất của một số địa phương để giải quyết đất ở, đất sản xuất cho người dân còn hạn chế; định mức hỗ trợ theo quy định để thực hiện hỗ trợ đất ở, đất sản xuất rất thấp so với chi phí thực tế.

- Đời sống của một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai tại một số địa bàn còn diễn biến phức tạp.

- Tình hình an ninh nông thôn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; tội phạm và tệ nạn xã hội như ma túy, trộm cắp, cờ bạc, tín dụng đen vẫn xuất hiện tại một số địa bàn; một bộ phận người dân còn dễ bị tác động, lôi kéo bởi các thông tin sai trái.

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo tại các xã, phường phần lớn là kiêm nhiệm hoặc điều chuyển từ các lĩnh vực khác, chưa được tiếp cận, bồi dưỡng chuyên sâu về công tác dân tộc, tôn giáo. Trong khi đó, khối lượng công việc ngày càng tăng, nội dung phát sinh đa dạng, phức tạp, dẫn đến việc nắm bắt tình hình cơ sở có lúc, có nơi chưa kịp thời.

- Vẫn còn xảy ra tình trạng xây dựng cơ sở thờ tự trái phép, tổ chức sinh hoạt tôn giáo không đúng quy định pháp luật. Việc giải quyết nhu cầu đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của một số tổ chức tôn giáo còn gặp khó khăn do vướng mắc về điều kiện pháp lý đối với đất đai, quy hoạch và địa điểm sinh hoạt theo quy định hiện hành.

- Việc tổ chức, thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số có lúc, có nơi còn thiếu chiều sâu, chưa gắn với phong tục, tập quán của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL còn hạn chế, phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả công tác PBGDPL, nhất là đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ cho công tác PBGDPL ở cơ sở chưa được quan tâm đầu tư

đúng mức.

- Cơ sở hạ tầng tại nhiều địa bàn vùng sâu, vùng xa còn thiếu và xuống cấp; chất lượng nguồn nhân lực, trình độ dân trí chưa đồng đều. Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa ở một số địa bàn còn thấp hơn mặt bằng chung của tỉnh; tình trạng học sinh bỏ học, thiếu trang thiết bị y tế và khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản vẫn còn xảy ra.

- Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích, danh thắng gắn với phát triển du lịch hiệu quả chưa cao; hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch còn hạn chế, chưa tạo được sức lan tỏa mạnh. Sản phẩm du lịch đặc trưng, có tính cạnh tranh cao chưa nhiều; việc liên kết, khai thác các giá trị văn hóa, lịch sử, sinh thái và bản sắc địa phương để hình thành sản phẩm du lịch hấp dẫn còn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

2.3. Nguyên nhân

- Về khách quan: Tỉnh có diện tích rộng, địa bàn trải dài, dân cư phân bố không đồng đều; nhiều xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội và hạ tầng. Nhu cầu nguồn lực đầu tư cho phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số rất lớn trong khi khả năng cân đối nguồn lực còn hạn chế. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật về đất đai, tín ngưỡng, tôn giáo và một số cơ chế, chính sách còn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền, kích động, gây ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Về chủ quan: Công tác tuyên truyền, vận động ở một số nơi còn chậm đổi mới, hiệu quả chưa đồng đều; sự phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc chưa thật sự chặt chẽ. Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là ở cấp cơ sở còn thiếu và chủ yếu kiêm nhiệm, năng lực tham mưu, kinh nghiệm thực tiễn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ. Công tác nắm tình hình, dự báo và xử lý một số vấn đề phát sinh ở cơ sở có thời điểm còn chưa kịp thời. Bên cạnh đó, một bộ phận người dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; việc huy động các nguồn lực xã hội hóa và phát huy nội lực trong Nhân dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững. Công tác dân tộc, tôn giáo ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc, có nơi còn xem nhẹ, chưa được quan tâm đúng mức.

2.4. Bài học kinh nghiệm

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp, bám sát sự chỉ đạo của cấp trên; chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu

kịp thời, đúng quy định pháp luật đối với các vấn đề phát sinh liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp. Đẩy mạnh công tác phối hợp liên ngành; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về dân tộc, tôn giáo nhằm tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

- Quan tâm công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, tôn giáo, đặc biệt là cấp xã; nâng cao kỹ năng nắm tình hình, xử lý tình huống.

- Duy trì tốt mối quan hệ phối hợp giữa chính quyền địa phương với các cơ sở tôn giáo; kịp thời giải quyết các nhu cầu chính đáng, hợp pháp của tổ chức, cá nhân tôn giáo. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, chủ động phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, không để hình thành điểm nóng liên quan đến dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; theo dõi sát tiến độ thực hiện, giải ngân các chương trình, dự án; kịp thời tháo gỡ vướng mắc, điều chỉnh nguồn vốn từ các dự án không còn nhiệm vụ chi sang các dự án có nhu cầu để sử dụng hiệu quả nguồn lực.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2027

1. Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và tôn giáo giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình số 11-CTr/TU ngày 16/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Chương trình số 09-CTr/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045; Chương trình hành động số 35-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng gắn

với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I và các chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy, trong đó định hướng lấy sự ổn định chính trị - xã hội vững chắc làm nền tảng, đồng thời lấy việc nâng cao sinh kế, thúc đẩy giảm nghèo bền vững, khơi thông nguồn lực phát triển vùng đồng bào DTTS và miền núi làm động lực phát triển kinh tế, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được giao áp dụng triệt để nguyên tắc "06 rõ", đóng góp vào mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2027.

2. Chủ động nắm chắc tình hình vùng đồng bào DTTS, vùng có đạo; kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường công tác dân vận, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh biên giới, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo và an ninh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tham quan, học tập kinh nghiệm; thăm hỏi, động viên khi ốm đau, gặp khó khăn hoặc qua đời; thực hiện cấp phát báo, tài liệu và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, phát huy vai trò người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4. Giải quyết kịp thời nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định pháp luật; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng hiến chương, điều lệ; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn ở cơ sở.

5. Tập trung tham mưu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 (Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội, Nghị định số 387/2026/NĐ-CP của Chính phủ) theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản cần thiết để triển khai hiệu quả Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, số hóa hồ sơ, dữ liệu chuyên ngành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo.

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác pháp chế, thi đua - khen thưởng,

tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

8. Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn kéo dài theo quy định; rà soát, điều chỉnh các văn bản của tỉnh cho phù hợp với Nghị quyết số 46/2026/QH16 và Nghị định số 387/2026/NĐ-CP; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng thiết yếu và sinh kế cho 51 xã khu vực III, 449 thôn đặc biệt khó khăn và 20 xã điểm.

9. Tổ chức triển khai thí điểm Đề án "Xây dựng và phát triển toàn diện 20 xã điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030"; hoàn thiện, ban hành các đề án, kế hoạch triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TU, Nghị quyết số 14-NQ/TU, như: giải quyết đất ở, đất sản xuất; phát triển nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc; chăm sóc sức khỏe Nhân dân; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục; nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

10. Tiếp tục triển khai Đề án 104, ưu tiên giải quyết đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; rà soát, cập nhật nhu cầu, hoàn thiện phương án ở cấp xã, đôn đốc tiến độ thực hiện theo kế hoạch năm 2027. Xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc về đất đai tại các nông, lâm trường; hoàn thành số hóa dữ liệu đất đai.

11. Hoàn thiện thể chế về tín ngưỡng, tôn giáo: Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí cho tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc và lực lượng cốt cán tôn giáo; triển khai Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc về đất đai đối với cơ sở tôn giáo, điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị HĐND tỉnh kiến nghị Chính phủ quan tâm bố trí, bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn ngoài nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ tỉnh đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu tại 51 xã và 449 thôn, buôn đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu, phấn đấu đến năm 2030 cơ bản đưa các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn theo mục tiêu đề ra.

2. Đề nghị HĐND tỉnh kiến nghị Chính phủ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu điều chỉnh định mức hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với chi phí thực tế; hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cơ sở tôn giáo. Đồng thời, đề nghị sớm có hướng dẫn xử lý tổng thể các tồn tại, vướng mắc về đất đai tại các nông, lâm trường khu vực Tây Nguyên thuộc thẩm quyền của Trung ương.

3. Đề nghị HĐND tỉnh quan tâm ưu tiên cân đối, bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ các địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 15/10/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030; trong đó, ưu tiên các công trình hạ tầng thiết yếu và các nhiệm vụ trực tiếp góp phần cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, ưu tiên nguồn vốn từ ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; xem xét ban hành cơ chế hỗ trợ hoặc miễn toàn bộ các khoản phí, lệ phí liên quan đến việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện được hỗ trợ, góp phần giảm khó khăn về chi phí, tạo điều kiện để người dân sớm hoàn thiện thủ tục pháp lý về đất đai.

4. Đề nghị Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh tăng cường giám sát, đôn đốc việc thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2027 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các phòng: NC, TH thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN&CTTĐT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Vk.45b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Nhuân Byă